Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3809.91.90

Mã HS	3809.91.90
Mô tả hàng hóa	Tác nhân để hoàn tất, các chế phẩm tải thuốc nhuộm để làm tăng tốc độ nhuộm màu hoặc để hãm màu và các sản phẩm và chế phẩm khác (ví dụ, chất xử lý hoàn tất vải và thuốc gắn màu), dùng trong ngành dệt, giấy, thuộc da hoặc các ngành công nghiệp tương tự, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Loại khác: / - - Loại dùng trong công nghiệp dệt hoặc các ngành công nghiệp tương tự: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	19/11/2026 07:31:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/38099190/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5433
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5433
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5433
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5286
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5247
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5247
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5247
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5247
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5247
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5247
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5291
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5291
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5291
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5291

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5291
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5291
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5289
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5289
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5289
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5289
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5289
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5289
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5291
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5253
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5249
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5249
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5249
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5249
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5249
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5249
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5258
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5258
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5258
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5258
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5258
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5258
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5299
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5299
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5299
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5299

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5299
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5299
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5300
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5300
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5300
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5300
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5300
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5300
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5303
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5303
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5303
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5303
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5303
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5303
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5272
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5272
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5272
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5272
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5272
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5272
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5274
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5274
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5274
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5274
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5274
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5274

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5272
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5272
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5272
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5272
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5272
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5272
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5272
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5293
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5293
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5293
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5293
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5293
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5293
RCEP B	2022	2022	0	B!D5293
RCEP B	2023	2023	0	B!E5293
RCEP B	2024	2024	0	B!F5293
RCEP B	2025	2025	0	B!G5293
RCEP B	2026	2026	0	B!H5293
RCEP B	2027	2027	0	B!I5293
RCEP C	2022	2022	0	C!D5293
RCEP C	2023	2023	0	C!E5293
RCEP C	2024	2024	0	C!F5293
RCEP C	2025	2025	0	C!G5293
RCEP C	2026	2026	0	C!H5293
RCEP C	2027	2027	0	C!I5293
RCEP D	2022	2022	0	D!D5293

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5293
RCEP D	2024	2024	0	D!F5293
RCEP D	2025	2025	0	D!G5293
RCEP D	2026	2026	0	D!H5293
RCEP D	2027	2027	0	D!I5293
RCEP E	2022	2022	0	E!D5296
RCEP E	2023	2023	0	E!E5296
RCEP E	2024	2024	0	E!F5296
RCEP E	2025	2025	0	E!G5296
RCEP E	2026	2026	0	E!H5296
RCEP E	2027	2027	0	E!I5296
RCEP F	2022	2022	0	F!D5293
RCEP F	2023	2023	0	F!E5293
RCEP F	2024	2024	0	F!F5293
RCEP F	2025	2025	0	F!G5293
RCEP F	2026	2026	0	F!H5293
RCEP F	2027	2027	0	F!I5293
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4877
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4877
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4877
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4877

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3809.91 có 2 dòng thuế; dòng 3809.91.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3809.91.10 Tác nhân làm mềm (softening agents)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3809.91.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3809.91.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5433), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.